

Số: 468 /QĐ-BVTT

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán Ngân sách năm 2025
của Bệnh viện Tâm thần Thanh Hóa

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN TÂM THẦN THANH HÓA

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông báo số 4789/TB-SYT ngày 28/5/2026 của Sở Y tế Thanh Hóa về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán Ngân sách năm 2025 của Bệnh viện Tâm thần Thanh Hóa (Số liệu chi tiết theo biểu đính kèm).

Hình thức công khai:

- Gửi văn bản đến các khoa, phòng triển khai đến toàn thể VC-NLĐ.
- Niêm yết trên bảng tin của bệnh viện.
- Công khai trên Cổng thông tin điện tử của bệnh viện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tài chính - Kế toán và các khoa/phòng trong bệnh viện tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính TH;
- Sở Y tế TH;
- Các khoa/phòng;
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC



LêBATân

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 468 /QĐ-BVTT ngày 03.../9.../2026 của Giám đốc Bệnh viện Tâm thần)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	10,107	10,107	-	
	LOẠI 130 KHOẢN 132				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	6,006	6,006	-	
	Chi Thanh toán cho cá nhân	5,638	5,638	-	
	Phụ cấp lương	5,638	5,638	-	
	Phụ cấp ưu đãi nghề	5,638	5,638	-	
	Chi về hàng hóa, dịch vụ	368	368	-	
	Vật tư văn phòng phẩm	230	230	-	
	Tiền điện	145	145	-	
	Tiền nước	84	84	-	
	Tiền nhiên liệu	1	1	-	
	Vật tư văn phòng	119	119	-	
	Văn phòng phẩm	119	119	-	
	Công tác phí	20	20	-	
	Tiền vé máy bay, tàu xe	1	1	-	
	Phụ cấp công tác phí	8	8	-	
	Tiền thuê phòng ngủ	11	11	-	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4,101	4,101	-	
	Chi Thanh toán cho cá nhân	2,846	2,846	-	
	Phụ cấp lương	2,846	2,846	-	
	Phụ cấp nhận nhọc, độc hại nguy hiểm	1,762	1,762	-	
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề	1,084	1,084	-	
	Chi về hàng hóa, dịch vụ	1,255	1,255	-	
	Hội nghị	734	734	-	
	In, mua tài liệu	125	125	-	
	Bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên	224	224	-	
	Thuê hội trường, phương tiện vận chuyển	207	207	-	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
	Chi bù tiền ăn	62	62	-	
	Chi phí khác	116	116	-	
	Công tác phí	354	354	-	
	Tiền vé máy bay, tàu xe	103	103	-	
	Phụ cấp công tác phí	148	148	-	
	Tiền thuê phòng ngủ	103	103	-	
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	167	167	-	
	Chi mua hàng hóa, vật tư	64	64	-	
	Chi khác	104	104	-	
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Ngày 03 tháng 9 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



LêBATân